

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Bảo vệ thực vật

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRỊNH XUÂN HOÀT

2. Ngày tháng năm sinh: 17/9/1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 201, tổ 13, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 201, tổ 13, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0912363688; E-mail: trinhxuanhoat.ppri@mard.gov.vn, trinhxuanhoatppri@gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 01 năm 1997 đến tháng 9 năm 2000: Nghiên cứu viên của Trung tâm Đầu tranh sinh học, Viện Bảo vệ thực vật.

- Từ tháng 9 năm 2000 đến tháng 3 năm 2001: Tham gia khóa đào tạo ngắn hạn về súc khỏe hạt giống tại Viện súc khỏe hạt giống Đan Mạch cho các nước đang phát triển (nay thuộc Đại học Copenhagen, Đan Mạch).

- Từ tháng 4 năm 2001 đến tháng 3 năm 2002: Học tiếng Nhật tại Trung tâm Đào tạo tiếng Nhật, Đại học Kobe, Nhật Bản.
- Từ tháng 4 năm 2002 đến tháng 3 năm 2004: Học viên cao học tại Trường Khoa học và Công nghệ, Đại học Kobe, Nhật Bản. Tốt nghiệp và nhận bằng thạc sĩ vào tháng 3 năm 2004.
- Từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 3 năm 2007: Nghiên cứu sinh tại Trường Khoa học và Công nghệ, Đại học Kobe, Nhật Bản. Tốt nghiệp và nhận bằng tiến sĩ vào tháng 3 năm 2007.
- Từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 5 năm 2008: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Lý Hóa (RIKEN), Yokohama, Nhật Bản.
- Từ tháng 6/2008 đến tháng 7 năm 2010: Nghiên cứu viên, Bộ môn Chẩn đoán Giám định dịch hại và thiên địch, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ ngày 01/8/2010 đến tháng 6/2012: Phó Bộ môn Chẩn đoán Giám định dịch hại và thiên địch, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ ngày 15/6/2012: Phó Bộ môn phụ trách chung Bộ môn Chẩn đoán Giám định dịch hại và thiên địch, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ ngày 01/11/2012: Trưởng Bộ môn Chẩn đoán Giám định dịch hại và thiên địch, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ ngày 01/11/2013 đến nay: Phó Viện trưởng Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

- Chức vụ:

- + Chức vụ hiện nay: Phó Viện trưởng Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
- + Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

- Cơ quan công tác hiện nay: Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

- Địa chỉ cơ quan: Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại cơ quan: 024.38389724, 024.38388736

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Tây Bắc và Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng.....năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Học Viện Nông nghiệp Việt nam, và Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 01 năm 1997; số văn bằng: B26356; ngành: Nông học, chuyên ngành: Bảo vệ thực vật; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 3 năm 2004; số văn bằng: SHU-A775; ngành: Nông học; chuyên ngành: Bảo vệ thực vật; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Khoa học và Công nghệ, Đại học Kobe, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 3 năm 2007; Quyết định công nhận: 421; ngành: Nông học; chuyên ngành: Bảo vệ thực vật; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Khoa học và Công nghệ, Đại học Kobe, Nhật Bản.

- Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Lý Hóa (RIKEN), Yokohama, Nhật Bản từ tháng 5/2007 đến tháng 5/2008.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày...tháng ...năm..., ngành:...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công cụ chẩn đoán, giám định sinh vật hại cây trồng.

- Hướng nghiên cứu thứ hai: Nghiên cứu sinh vật hại cây trồng nông-lâm nghiệp, cây dược liệu và phát triển các giải pháp khoa học công nghệ phòng trừ theo hướng tổng hợp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 NCS (Nguyễn Đức Thành và Hoàng Văn Thành) bảo vệ thành công luận án tiến sĩ;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH (Ngô Gia Bôn, Phan Thị Thanh Hương và Phạm Thị Thu Trang) bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

- Đã chủ trì và hoàn thành 03 đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, 02 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và 02 đề tài cấp tỉnh. Các đề tài này đều được xếp loại đạt và khá.

- Đã công bố (số lượng) 69 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín SCIE, Scopus, và ESCI, 03 chương sách xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín Springer và Elsevier, 01 bài trên tạp chí quốc tế khác, và 43 bài báo trên tạp chí trong nước;

- Số lượng sách đã xuất bản: 01 sách hướng dẫn, 03 sách tham khảo, và 02 giáo trình;

- Số lượng quy trình kỹ thuật được công nhận là tiến bộ kỹ thuật: 04 quy trình;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: ...

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2010	Bằng khen	Quyết định số 545/QĐ-KT, ngày 27/9/2010 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2013	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 75/QĐ-KHNN-TĐ, ngày 21/01/2014 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
2014	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 92/QĐ-KHNN-TĐ, ngày 21/01/2015 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
2016	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 36/QĐ/KHNN-TĐ ngày 18/01/2017 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
2017	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 60/QĐ-KHNN-TĐ, ngày 26/01/2018 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
2018	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 78/QĐ-KHNN-TĐ, ngày 27/02/2019 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
2018	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 2622/QĐ/BNN-TCCB, ngày 04/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2018	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 2641/QĐ-BNN-TCCB, ngày 03/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2019	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 47/QĐ-KHNN-TCHC, ngày 21/01/2020 của Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
2020	Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”	Quyết định số 3882/QĐ/BNN-TCCB ngày 30/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2020	Giấy khen của Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 71-QĐ/ĐU ngày 06/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trớ lén, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một cán bộ nghiên cứu, kiêm nhiệm công tác giảng dạy để đề nghị Nhà nước phong học hàm phó giáo sư, tôi tự nhận thấy:

- Về phẩm chất chính trị, đạo đức:

Tôi luôn có tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp trong sáng, có tinh thần ham học hỏi, không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp sư phạm, có lối sống và cách ứng xử đúng mực, trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Tôi luôn tận tụy với công việc giảng dạy, nhiệt tình, tận tâm chỉ bảo và truyền đạt kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm cho người học, cũng như đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan. Không vi phạm các quy định về những điều giảng viên không được làm.

Là một giảng viên, tôi luôn ý thức về vai trò và tấm gương của nhà giáo và bản thân luôn phấn đấu, rèn luyện để giữ gìn phẩm chất đạo đức nhà giáo, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong giảng dạy, tôi luôn chấp hành tốt các quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và của các cơ sở đào tạo nơi tôi tham gia giảng dạy.

- Về trình độ chuyên môn

Được đào tạo chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đăng ký xét (Bảo vệ thực vật).

- Về ngoại ngữ

Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, hoạt động chuyên môn, viết và đăng các kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh trên các tạp chí quốc tế và trong nước.

- Về công tác giảng dạy

Từ năm 2013 đến nay tôi tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Tây Bắc, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, và Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên. Tôi đã hoàn thành đầy đủ các môn học và học phần được giao.

Tôi luôn tự học tập, phấn đấu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, chuẩn bị tốt bài giảng, giáo án và các tài liệu liên quan trước khi giảng bài. Các môn học và học phần do tôi đảm nhiệm đều được cập nhật, bổ sung các kết quả nghiên cứu mới của các nhà khoa học trong và ngoài nước, cũng như cung cấp thông tin mới liên quan đến nội dung môn học; và giảng dạy bằng phương pháp lấy người học làm trung tâm. Công tác thi và kiểm tra được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tính nghiêm túc và công bằng, coi đó là cách tốt nhất để tôn trọng, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người học và giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của người giáo viên.

- Về nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên làm luận án, luận văn và đề tài thực tập tốt nghiệp

Tôi đã hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và đang hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh khác; đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và đang hướng dẫn 01 HVCH khác; trong đó, tôi đã gắn kết công tác đào tạo với các nhiệm vụ khoa học công nghệ do tôi làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính. Luận văn, luận án của các HVCH, NCS do tôi hướng dẫn không chỉ có ý nghĩa khoa học, mà còn có giá trị thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất tại các địa phương, được ứng dụng vào sản xuất.

Tôi đã hướng dẫn 03 sinh viên làm luận văn/đồ án tốt nghiệp đại học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên. Tôi luôn động viên, khích lệ các em sinh viên đề xuất các ý tưởng mới trong quá trình thực tập và nghiên cứu để gắn kết với nhu cầu thực tế của địa phương, của xã hội.

- Về nghiên cứu khoa học

Tôi đã chủ trì và hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 02 đề tài NCKH cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và 02 đề tài NCKH cấp tỉnh, các đề tài đã nghiệm thu và được xếp loại đạt, và khá. Ngoài ra, tôi đã tham gia thực hiện và hoàn thành 03 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp tỉnh; và hiện nay, tôi đang tham gia thực hiện 08 đề tài và dự án khác.

- Về kết quả công bố các công trình khoa học, biên soạn sách và giáo trình phục vụ công tác giảng dạy

Tôi đã công bố 43 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, 23 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc SCIE, Scopus, ESCI, và tạp chí quốc tế khác; là đồng tác giả của 03 chương sách xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín là Springer và Elsevier. Đã tham gia biên soạn 01 sách hướng dẫn, 03 sách tham khảo phục vụ công tác đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, và 02 giáo trình phục vụ đào tạo đại học tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 08 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014		01	02			37,5	37,5/106,37/140
2	2014-2015			02			37,5	37,5/84,15/140
3	2015-2016		02		01		22,5	22,5/45,2/135
4	2016-2017		02		02	42,0	54,0	96,0/141,4/135
5	2017-2018	01	01				31,3	31,3/81,3/135

Ba năm cuối

6	2018-2019	01	01			183,0	54,0	237,0/287,0/135
7	2019-2020	01	01			127,5	11,1	138,6/188,6/135
8	2020-2021			01		198,2		198,2/220,2/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Nhật Bản, năm 2004; bảo vệ luận án TS tại nước: Nhật Bản, năm 2007.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ...đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đức Thành	X			X	2011- 2014	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ số 490/QĐ-HVN, ngày 06/3/2017.
2	Hoàng Văn Thành	X			X	2015- 2019	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ số 797/QĐ-KHNN- TTĐT, ngày 14/10/2020.
3	Ngô Gia Bôn			X	X	2013- 2014	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Được cấp bằng thạc sĩ ngày 25/5/2015, số hiệu: A108578, số vào số cấp bằng: 7354.

4	Phan Thị Thanh Hương		X		X	2013- 2014	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Được cấp bằng thạc sĩ ngày 25/5/2015, số hiệu: A108579, số vào số cấp bằng: 7355.
5	Phạm Thị Thu Trang		X		X	2018- 2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Được cấp bằng thạc sĩ ngày 25/12/2020, số hiệu: 001047, số vào số cấp bằng: 200438.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

T T	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang...đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ						
1							
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ						
1	Kỹ thuật sản xuất một số loại hoa	HD	Nhà xuất bản Nông nghiệp, năm 2011	7		Biên soạn phần Bảo vệ thực vật, gồm các trang: 41- 47, 64-68, 89- 94, 107-109, 129-131, và 151-156	Quyết định số 329/QĐ-KHNN- TTĐT ngày 26/5/2021 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
2	Danh lục Sinh vật hại trên một số cây trồng và sản phẩm cây trồng sau thu hoạch ở Việt Nam (Điều tra	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp, năm 2010	38		Tham gia thực hiện phần sinh vật gây bệnh trong Hợp phàn I “Điều tra sinh vật hại trên cây trồng”, từ trang: 31-40, 90-91, 127- 130, 170-171, 203, 243-247, 287-290, 342-	Quyết định số 329/QĐ-KHNN- TTĐT ngày 26/5/2021 Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

	năm 2006- 2010)					345, 403-407, 458-461, 531- 533, 600-604, 702-708, 801- 803, 869-872, 940-941, 1007 -1009, 1051- 1053, và 1116 -1120	
3	Bệnh virus hại thực vật ở Việt Nam (Tập II)	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp, Năm 2012	7		Biên soạn Phần IV: Bệnh virus hại sắn (trang 199- 222)	Quyết định số 329/QĐ-KHNN- TTĐT ngày 26/5/2021 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
4	Bệnh hại cây trồng Việt Nam	TK	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, Năm 2018	4		Biên soạn Chương 2: Bệnh phytoplasm a hại cây trồng (trang 84-106)	Quyết định số 329/QĐ-KHNN- TTĐT ngày 26/5/2021 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
5	Bệnh cây đại cương	GT	Nhà Xuất bản Nông nghiệp, năm 2016	3		Biên soạn Chương 7 (trang 79- 96)	Quyết định số 1570/QĐ-ĐT, ngày 30/11/2015 của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, về việc thành lập Hội đồng nghiệp thu giáo trình Bệnh cây đại cương. Biên bản thanh lý Hợp đồng viết giáo trình ngày 25/12/2015

6	Hóa Bảo vệ thực vật	GT	Nhà Xuất bản Nông nghiệp, năm 2016	5	Biên soạn Chương 7 (trang 97- 104)	Quyết định số 1569/QĐ-ĐT, ngày 30/11/2015 của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, về việc thành lập Hội đồng nghiệp thu giáo trình Hóa Bảo vệ thực vật. Biên bản thanh lý Hợp đồng viết giáo trình ngày 20/12/2015
---	---------------------------	----	--	---	---	--

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ				
1					
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ				
1	Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ quản lý có hiệu quả bệnh chồi cỏ mía ở các tỉnh Bắc Trung Bộ	CN	Cấp Bộ Nông nghiệp và PTNT	2009- 2011	Nghiệm thu ngày 19/3/2012/ Xếp loại: Khá
2	Sự đa dạng của phytoplasma gây bệnh trên mía và lúa tại Việt Nam	CN	106.15- 2010.07, Cấp Nhà nước	2011- 2012	Quyết định số 350/QĐ- NAFOSTED ngày 05/9/2013. Xếp loại: Đạt

3	Nghiên cứu biện pháp phòng trừ bệnh chồi rồng và bệnh thán thư hại sắn	CN	Cấp Bộ NN và PTNT	2011-2014	Nghiệm thu ngày 28/7/2015. Xếp loại: Đạt
4	Nghiên cứu nguyên nhân và các giải pháp khoa học công nghệ phòng chống bệnh chồi rồng hại nhãn ở Việt Nam	CN	Mã số: 26/G-2012/HĐ-ĐTDL. Cấp Nhà nước	2013-2016	Nghiệm thu ngày 02/6/2017. Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ quản lý tổng hợp sâu, bệnh hại chính trên cây Ba kích và Giảo cổ lam tại Quảng Ninh	CN	Cấp tỉnh Quảng Ninh	2017-2018	Nghiệm thu ngày 19/7/2019. Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu phòng trừ sâu bệnh trên cây Sâm Ngọc Linh	CN	Cấp tỉnh Kon Tum	2018-2020	Nghiệm thu ngày 29/9/2020. Xếp loại: Đạt
7	Nghiên cứu công nghệ sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học phòng trừ bọ nhảy hại rau	CN	Chương trình CNSH	2018-2020	Nghiệm thu ngày 19/1/2021. Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận tiến sĩ								
1	Results of studying about development and controlling of black spot disease on plum fruit in Bac Ha-Lao Cai, Moc Chau-Son La	5		Hội thảo Bệnh cây và Sinh học phân tử lần thứ 1 Đại học Nông Lâm TP. HCM, 21/6/2002			98-102	6/2002

2	Analysis of the involvement of hydroxyanthranilate hydroxycinnamoyltransferase and caffeoyl-CoA 3-O-methyltransferase in phytoalexin biosynthesis in oat	8		<i>Molecular Plant-Microbe Interactions</i> , ISSN/eISSN: 0894-0282/1943-7706	SCIE (IF: 3,55; Q1)	64	17(1): 81-89	1/2004
3	Specific cleavage of ribosomal RNA and mRNA during victorin-induced apoptotic cell death in oat	4	X	<i>Plant Journal</i> , ISSN/eISSN: 0960-7412/1365-313X	SCIE (IF: 6,14; Q1)	30	46(6): 922-933	2/2006
II Sau khi được công nhận tiến sĩ								
4	Development of a high-throughput method for the systematic identification of human proteins nuclear translocation potential	7	X	<i>BMC Molecular and Cell Biology</i> (Trước đây là <i>BMC Cell Biology</i>), ISSN/eISSN: 2661-8850	SCIE (IF: 3,06; Q3)	6	10(69): DOI: 10.1186/1471-2121-10-69	9/2009
5	Development of specific secA-based diagnostics for the 16SrXI and 16SrXIV phytoplasmas of the Gramineae	5		<i>International Phytoplasma - ologist Working Group. Published by the Bulletin of Insectology</i> , ISSN/eISSN: 17218861/2283-0332	SCIE (IF: 1,10, Q2)	18	64: S15-S16	9/2011

6	Nghiên cứu khả năng ức chế của các dịch chiết thực vật tới sự phát triển của nấm <i>Botrytis cinerea</i> trên môi trường PDA	10		<i>Hội thảo Quốc gia Bệnh hại thực vật Việt Nam lần thứ 11 tại Viện Cây ăn quả miền Nam, 4/2012.</i>			351-359	4/2012
7	Detection and identification of phytoplasmas associated with longan witches' broom in Vietnam	5		<i>Phytopathogenic Mollicutes, ISSN/e-ISSN: 22494669/ 22494677</i>	Scopus (Cite-Score: 0,3; Q4)	6	2(1): 23-27	6/2012
8	Phát hiện và xác định phytoplasma liên quan đến bệnh chồi rồng hại săn tại một số tỉnh phía Nam Việt Nam	5	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			2(242): 10-14	4/2012
9	Molecular detection and characterization of a phytoplasma associated with sugarcane grassy shoot disease in Vietnam.	6	X	<i>Phytoparasitica, ISSN/eISSN: 0334-2123/ 1876-7184</i>	SCIE (IF: 1,193; Q2)	12	40(4): 351-359	5/2012
10	Phát hiện phytoplasma liên quan đến bệnh diệp lục hóa cây vùng (<i>Sesamum indicum</i>) tại Hà Nội	3		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			2(242): 26-30	4/2012

11	First report of stub dieback of poinsettia (<i>Euphorbia pulcherrima</i>) caused by <i>Sclerotinia sclerotiorum</i> in Vietnam	4	X	<i>Australasian Plant Disease Notes</i> , ISSN/eISSN: 1833-928X	- Scopus (Cite-Score: 1,1; Q3); - ESCI (IF: 0,481)	1	7(1): 55-57	3/2012
12	Hiệu quả phòng trừ của một số chế phẩm sinh học đối với nấm <i>Botrytis cinerea</i> gây bệnh tên dâu tây, cải bắp và hoa hồng ở Lào Cai và Hà Nội	9		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			6(246): 45-48	12/2012
13	Molecular cloning of the apoptosis-related calcium-binding protein AsALG-2 in <i>Avena sativa</i>	5	X	<i>Molecular Plant Pathology</i> , ISSN/eISSN: 1464-6722/ 1364-3703	SCIE (IF: 5,663; Q1)	4	14(3): 222-229	4/2013
14	Phát hiện, xác định bệnh chồi rồng đậu tương tại Đồng Nai	7		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			3(248): 26-30	6/2013
15	Molecular detection and identification of sugarcane white leaf phytoplasma in Vietnam	7	X	<i>International Sugar Journal</i> , ISSN/eISSN: 0020-8841	SCIE (IF=0, 150; Q4)	4	115(1375): 505-511	7/2013
16	Detection and identification of “ <i>Candidatus Phytoplasma asteris</i> ”-related phytoplasmas associated with a witches’ broom disease of cassava in Vietnam	6		<i>Phytopathogenic Mollicutes</i> , ISSN/e-ISSN: 2249-4669/ 2249-4677	Scopus (Cite-Score: 0,3; Q4)	17	3(2): 77-81	12/2013

17	Xác định nguyên nhân gây bệnh thán thư hại sắn tại phía Nam Việt Nam	6		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		3(248): 32-3	6/2014
18	Phát hiện phytoplasma gây bệnh trên một số cây trồng và cỏ dại bằng PCR và giải trình tự	4		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		4(255): 28-33	8/2014
19	Đặc điểm sinh học của bệnh chồi rồng sắn tại Đồng Nai năm 2011-2013	6		<i>Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i> (Trước đây là <i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>)		12(3): 325-333	6/2014
20	Xác định nguyên nhân gây bệnh thối rễ cao lương ngọt (<i>Sorghum bicolor</i> L.) tại Thái Nguyên	7	X	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam</i>		6(52): 121-128	10/2014
21	First report of powdery mildew caused by <i>Podosphaera xanthii</i> on <i>Jatropha gossypifolia</i> in Viet Nam	6		<i>Plant Disease</i> , ISSN/e-ISSN: 0191-2917/ 1943-7692	SCIE (IF: 1,820; Q2)	100(1), pp. 216	11/2015
22	Xác định phytoplasma nhóm 16SrII-A gây hại trên cây sắn tại Đông Nam Bộ bằng kỹ thuật PCR, RFLP	4		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		2(259): 42-49	4/2015
23	Nghiên cứu nấm phấn trắng (<i>Microphaera diffusa</i>) hại đậu tương ở miền Bắc Việt Nam	4		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam</i>		3(56): 94-100	6/2015

24	First report of powdery mildew caused by <i>Erysiphe quercicola</i> on <i>Hevea brasiliensis</i> in Viet Nam	8		<i>Plant Disease</i> , ISSN/e-ISSN: 0191-2917/1943-7692	SCIE (IF: 1,820; Q2)		100(6), pp. 1239	3/2016
25	Identification of tumeric diseases in Quang Ninh and Hung Yen provinces of Vietnam	8		<i>Journal of Medicinal Materials</i>			21(3): 209-216	6/2016
26	Kết quả nghiên cứu nhện <i>Eriophyes dimocarpi</i> Kuang (Acarina: Eriophyidae) gây hiện tượng chồi rồng nhăn và một số giải pháp quản lý tổng hợp tại Hưng Yên	7		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			3(266): 35-43	6/2016
27	Molecular detection and identification of 16SrII and ester yellows phytoplasmas associated with longan witches' broom syndrome in Vietnam	9	X	<i>Phytopathogenic Mollicutes</i> , ISSN/e-ISSN: 2249-4669/2249-4677	Scopus (Cite-Score: 0,3; Q4)		6(1): 10-15	6/2016
28	Molecular detection and identification of 16SrI phytoplasma associated with rice orange leaf symptom in Vietnam	3	X	<i>Phytopathogenic Mollicutes</i> , ISSN/e-ISSN: 2249-4669/2249-4677	Scopus (Cite-Score: 0,3; Q4)	3	6(1): 29-32	6/2016

29	Một số kết quả nghiên cứu về nấm <i>Botrytis cinerea</i> Pers. gây bệnh thối xám trên cây trồng	7		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		6(269): 37-41	12/2016
30	Một số kết quả nghiên cứu về hội chứng chồi rồng hại nhăn tại Đồng Tháp	5	X	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>		9(10): 25-29	10/2016
31	Một số nghiên cứu về nhện <i>Eriophyes dimocarpi</i> (Acari: eriophyidae) trên nhăn tại Hưng Yên năm 2015	7		<i>Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam</i>		2(63): 74-77	3/2016
32	Molecular detection and characterization of phytoplasma associated with maize bushy stunt in Vietnam	3	X	<i>Phytopathogenic Mollicutes</i> , ISSN/e-ISSN: 2249-4669/ 2249-4677	Scopus (Cite-Score: 0,3; Q4)	6(2): 103-106	12/2016
33	Kết quả đánh giá mức độ mẫn cảm với chồi rồng của các giống nhăn tại Đồng bằng sông Cửu Long	5		<i>Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>		14(6): 843-951	7/2016
34	Phát hiện phytoplasma liên quan đến hội chứng vàng lá mía bằng kỹ thuật nested-PCR	2		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên</i>		171(11): 113-119	10/2017

35	Association of <i>Eriophyes dimocarpi</i> (Acari: Eriophyidae) with longan witches' broom disease in Vietnam	8	X	<i>Archives of Phytopathology and Plant Protection</i> , ISSN/eISSN: 0323-5408/ 1477-2906	Scopus (Cite-Score: 1,2; Q3); ESCI.	2	50(1-2): 70-83	12/2017
36	Xác định nguyên nhân gây bệnh thán thư trên cà phê chè tại Sơn La	4		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			4(279): 54-63	8/2018
37	Phát hiện và giám định nhanh <i>Xanthomonas axonopodis</i> pv. <i>manihotis</i> gây bệnh vi khuẩn tàn lụi sắn bằng kỹ thuật PCR	2	X	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>			60(2): 53-58	2/2018
38	First Report of <i>Sri Lankan cassava mosaic virus</i> infecting cassava in Vietnam	6		<i>Plant Disease</i> , ISSN/e-ISSN: 0191-2917/ 1943-7692	SCIE (IF: 1,820; Q2)		102(12): pp. 2669	10/2018
39	Kết quả giám định và một số đặc điểm của nấm <i>Fusarium fujikuroi</i> Nirenberg gây bệnh vàng lá thối rễ cây ba kích tại Quảng Ninh	7	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			5(280): 68-73	10/2018

40	Fruit Crop Phytoplasmas. In: Rao GP, Bertaccini A, Fiore N, Loeffing LW (Eds.), <i>Phytoplasmas: Plant Pathogenic Bacteria – I Characterization and Epidemiology of Phytoplasma – Associated Diseases</i>	7		<i>Springer.</i> ISBN: 978-981-13-0118-6, ISBN: 978-981-13-0119-3 (eBook).		14	153-190	2018
41	Sustainable management of invasive cassava pests in Vietnam, Cambodia, and Thailand. In: Kokubun M., Asanuma S. (eds) <i>Crop Production under Stressful Conditions.</i>	23		<i>Springer.</i> ISBN: 978-981-10-7307-6; ISBN: 978-981-10-7308-3 (eBook).			132-157	2018
42	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của nấm <i>Botrytis cinerea</i> Pers. gây bệnh thối xám trên thực vật dược, cà chua và lạc tại đồng bằng sông Hồng	5		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			5(280): 73-80	10/2018
43	Identificatin of cassava bacterial blight causing <i>Xanthomonas axonopodis</i> pv. <i>manihotis</i> based on <i>rpoD</i> and <i>gyrB</i> genes	5	X	<i>Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (Bản tiếng Anh)</i>	ACI		61(1): 30-35	2019

44	First report of molecular characterization of <i>Fusarium proliferatum</i> associated with root rot disease of Indian mulberry (<i>Morinda officinalis</i> How.) in Viet Nam	4	X	<i>Archives of Phytopathology and Plant Protection</i> , ISSN/eISSN: 0323-5408/ 1477-2906	Scopus (Cite-Score: 1,2; Q3); ESCI.		52(1-2): 200-217	4/2019
45	Đặc điểm sinh học sâu đục thân mía bón vạch đậu nâu <i>Chilo tumidicostalis</i> (Hampson) (Lepidoptera: Pyralidae) tại Việt Nam	6		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			6(287): 13-19	12/2019
46	Applications of agriculturally important microorganisms for sustainable crop production. In: Sharma V, Salwan R, Al-Ani LKT (Eds.), <i>Molecular aspects of plant beneficial microbes in agriculture</i> .	5		<i>Elsevier</i> , ISBN: 978-0-12-818469-1		4	403-415	2019
47	Hiệu quả của bọ đuôi kìm phòng chống sâu đục thân bón vạch đậu nâu hại mía	8		<i>Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam</i>			5(102): 115-119	5/2019
48	Biological control of fusarium root rot of Indian mulberry (<i>Morinda officinalis</i> How.) with consortia of agriculturally important microorganisms in Vietnam	7	X	<i>Chemical and Biological Technologies in Agriculture</i> , ISSN/eISSN: 2196-5641	SCIE (IF=2, 78; Q1)	3	6, 27	11/2019

49	Nấm <i>Colletotrichum acutatum</i> gây bệnh thán thư trên cây sâm Ngọc Linh tại tỉnh Kon Tum	5		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			1(288): 14-19	2/2020
50	Diễn biến mật độ và một số yếu tố ảnh hưởng đến sự gia tăng quần thể sâu đục thân mía bón vạch dầu nâu (<i>Chilo tumidicostalis</i> Hampson) tại Tây Ninh năm 2017-2018	7		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			1(288): 43-49	2/2020
51	Một số kết quả phòng chống bệnh thán thư hại sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.) tại Tu Mơ Rông, Kon Tum	8	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			2(289): 3-10	4/2020
52	A new phytoplasma strain associated with the sugarcane white leaf disease in Vietnam	15	X	<i>Phytopathogenic Mollicutes</i> , ISSN/e-ISSN: 2249-4669/2249-4677	Scopus (Cite-Score: 0,3; Q4)	1	10(1): 60-68	6/2020
53	Diễn biến mật độ bọ nhảy và thiệt hại do bọ nhảy gây ra trên rau thập tự vùng Bắc Từ Liêm, Hà Nội năm 2018&2019	7		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			4(291): 23-28	8/2020

54	Hiệu quả của biện pháp nuôi cấy mô và xử lý hom giống trong phòng trừ bệnh trắng lá mía do Phytoplasma	11		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam</i>			12(121): 72-78	11/2020
55	Một số đặc điểm sinh học của loài bọ phấn trắng <i>Bemisia tabaci</i> (Hemiptera: Aleyrodidae) truyền bệnh vi rút khâm lá săn tại Tây Ninh năm 2018-2019	5	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			4(291): 28-32	8/2020
56	Một số biện pháp phòng chống bệnh vàng lá thối rễ cây Ba kích tím (<i>Morinda officinalis</i> How.) tại Quảng Ninh	4	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			5(292): 13-18	10/2020
57	Một số đặc điểm sinh vật học của bọ nhảy <i>Phyllotreta striolata</i> Fabricius (Coleoptera: Chrysomelidae)	7		<i>Hội nghị Côn trùng học quốc gia lần thứ 10, Hà Nội, ngày 22-23/10/2020, Nhà Xuất bản Nông nghiệp</i>			598-604	10/2020
58	Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học phòng trừ bọ nhảy hại rau	12	X	<i>Hội thảo đánh giá kết quả thực hiện chương trình công nghệ sinh học trong lĩnh vực vi sinh – enzyme.</i>			68-90	11/2020

59	Đặc điểm sinh học của sâu keo mùa thu <i>Spodoptera frugiperda</i> (Smith)(Noctuidae: Lepidoptera) hại cây ngô	4		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		6(293): 33-37	12/2020
60	Xác định phương thức lan truyền của <i>Sri Lankan cassava mosaic virus</i> (SLCMV) gây bệnh khăm lá săn ở Việt Nam	4	X	<i>Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>		19(2): 206-214	1/2021
61	Một số nghiên cứu về xác định biotype của bọ phấn trắng thuốc lá <i>Bemisia tabaci</i> truyền bệnh vi-rút khăm lá săn tại Việt Nam	3	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		1(294): 35-42	2/2021
62	Đặc điểm sinh học, sinh thái và phòng chống loài rệp sáp <i>Rastrococcus chinensis</i> (Hemiptera: Pseudococcidae) hại cây ba kích tím (<i>Morinda officinalis</i> How.)	5	X	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>		63(2): 44-48	2/2021
63	Diễn biến mật độ quần thể bọ phấn trắng (<i>Bemisia tabaci</i>) và giải pháp phòng trừ tại Tây Ninh	5	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>		2(295): 31-37	4/2021

64	Telomeres and a repeat-rich chromosome encode effector gene cluster in plant pathogenic <i>Colletotrichum</i> fungi	12		<i>Environmental Microbiology</i> , ISSN/eISSN: 1462-2912/ 1462-2920	SCIE (IF: 4,933; Q1)		doi: 10.1111/1462-2920.15490	3/2021
65	Triệu chứng gây hại, diễn biến mật độ và hiệu lực của một số thuốc sinh học đối với rệp muội (<i>Neomyzus</i> sp.) hại cây Sâm Ngọc Linh tại Quảng Nam	6		<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			2(295): 43-46	4/2021
66	Genetic relationship of fall armyworm (<i>Spodoptera frugiperda</i>) populations that invaded Africa and Asia	17		<i>Insects</i> , ISSN/eISSN: 2075-4450	SCIE (IF: 2,220; Q1)		12, 439	3/2021
67	Một số kết quả nghiên cứu về giải pháp sử dụng hom giống trong phòng chống bệnh khóm lá săn tại Việt Nam.	4	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			3(296): 44-52	6/2021
68	Đánh giá hiệu quả của tuyến trùng ký sinh côn trùng <i>Heterorhabditis indica</i> trong phòng chống bọ nhảy hại rau thập tự	10	X	<i>Tạp chí Bảo vệ thực vật</i>			4(297), 35-40	6/2021

69	<i>Trichoderma spp.</i> mediated induction of systemic defense response in brinjal against <i>Sclerotinia sclerotiorum</i>	5		<i>Current Research in Microbial Sciences</i> , ISSN: 2666-5174			https://doi.org/10.1016/j.crmicr.2021.1.100051	22/7/2021
----	--	---	--	---	--	--	---	-----------

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng tiến sĩ: 12 bài; được đánh số thứ tự: 4, 9, 11, 13, 15, 27, 28, 32, 35, 45, 48 và 52.

7.2. Quy trình kỹ thuật được công nhận là Tiến bộ kỹ thuật

TT	Tên tiến bộ kỹ thuật	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/dòng tác giả	Số tác giả
1	Quy trình phòng chống bệnh chối rồng hại nhãn hiệu quả và thân thiện với môi trường tại Tây Nam Bộ	Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 299/QĐ-BVTM-KH, ngày 28/02/2017	Tác giả chính	9
2	Quy trình phòng chống bệnh chối rồng hại nhãn hiệu quả và thân thiện với môi trường tại Đông Nam Bộ	Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 297/QĐ-BVTM-KH, ngày 28/02/2017	Tác giả chính	9
3	Quy trình quản lý tổng hợp (IPM) bệnh trắng lá mía tại tỉnh Khánh Hòa	Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2506/QĐ-BVTM-KH, ngày 02/12/2020	Đồng tác giả	11
4	Quy trình quản lý tổng hợp (IPM) sâu đục thân mía bón vạch đầu nâu tại Tây Ninh	Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 2521/QĐ-BVTM-KH, ngày 03/12/2020	Đồng tác giả	15

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/kế tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

* Năm học: 2013-2014/số giờ thiêus: 32,5 giờ

* Năm học: 2017-2018/số giờ thiêus: 36,2 giờ

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiêus (năm học/số giờ thiêus):

* Năm học: 2013-2014/số giờ thiêus: 33,63 giờ

* Năm học 2017-2018/số giờ thiêus: 53,7 giờ.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiêus:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiêus:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiêus:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiêus:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đổi với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đổi với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: *Đổi với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, để tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021
NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TRỊNH XUÂN HOẠT